TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 303/2019/QĐST-HNGĐ.	*Đông Anh, ngày 12 tháng 08 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 400/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2019, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Bùi Hữu H - Sinh năm 1989; trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. Chị Lê Thị H - Sinh năm 1993; trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Đơn yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn ngày 02 tháng 08 năm 2019 của anh Bùi Hữu H và chị Lê Thị H; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn ngày 02 tháng 08 năm 2019, các đương sự thỏa thuận:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Hữu H và chị Lê Thị H thống nhất vợ chồng xây dựng gia đình với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ngày 15 tháng 11 năm 2012. Quá trình chung sống, do vợ chồng không hợp nhau về tính cách và bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc và ly thân nhau từ tháng 02 năm 2019. Hai bên cùng thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh H và chị H có 02 con chung là Bùi Đức D1 - Sinh ngày 30/08/2013 và Bùi Minh D2 - Sinh ngày 14/11/2017. Khi ly hôn, anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Đức D1; chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Minh D2; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau đến khi con chung thành niên hoặc có quyết định khác của Toà án.

[3]. Về tài sản chung: Anh H và chị H cùng xác định không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4]. Về lệ phí việc dân sự: Anh H và chị H thoả thuận để anh H nộp cả tiền lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Hữu H và chị Lê Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh H và chị H có 02 con chung là Bùi Đức D1 - Sinh ngày 30/08/2013 và Bùi Minh D2 - Sinh ngày 14/11/2017. Khi ly hôn, anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Đức D1; chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Minh D2; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau đến khi con chung thành niên hoặc có quyết định khác của Toà án.

Anh H và chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Bùi Hữu H và chị Lê Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), anh Bùi Hữu H và chị Lê Thị H mỗi người phải chịu ½ = 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), hai bên thoả thuận để anh H chịu cả. Anh H đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008752 ngày 02 tháng 08 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, nay được chuyển thành tiền lệ phí Toà án để sung công quỹ Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- UBND. xã Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Lân